

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH
-----o0o-----

SỔ TAY GIẢNG VIÊN

Họ và tên giảng viên : ... Võ Hoài Sơn

Khoa : Cơ khí

Năm học : 2024 - 2025 / Học kỳ 1

KẾT QUẢ HỌC TẬP

LỚP:2402.....(M03 (NL)).....HỌC KỲ:1.....Năm học: 2024.. - 2025....

MÔN HỌC:Thủ hành ngữ.....Số tín chỉ:01.....

TT	Họ và tên	Điểm									
		Kiểm tra thường xuyên					Kiểm tra định kỳ				
01	Nguyễn Khánh An	6,5					5,0				
02	Nguyễn Thiên Ân	5,5					5,0				
03	Phạm Gia Ân	5,5					6,0				
04	Nguyễn Gia Bảo	0,0					0,0				
05	Phạm Hồng Đại	0,0					0,0				
06	Nguyễn Tấn Đạt	0,0					0,0				
07	Mai Hồng Đình	0,0					0,0				
08	Nguyễn Tuấn Đình	4,5					5,0				
09	Phan Nguyễn Đại Dương	7,0					7,0				
10	Nguyễn Ngọc Hải	7,0					7,5				
11	Nguyễn Công Hậu	7,5					8,5				
12	Vu Ngọc Hưng Hải	4,0					4,5				
13	Nguyễn Tấn Hòa	0,0					0,0				
14	Nguyễn Hải Hùng	6,0					4,5				
15	Nguyễn Hoàng Gia Huy	6,5					6,0				
16	Nguyễn Nhật Huy	6,0					4,5				
17	Trần Gia Huy	5,0					7,0				
18	Kiều Thị Như Huyền	6,5					0,0				
19	Nguyễn Hoàng Gia Khang	5,0					5,0				
20	Phạm Phùng Hoàng Khang	6,0					5,0				
21	Phan An Khang	5,5					5,5				
22	Đỗ Võ Quốc Khánh	5,5					5,0				
23	Trần Thiên Khánh	5,0					5,0				
24	Nguyễn Tấn Kiên	6,0					5,0				
25	Nguyễn Anh Kiệt	6,0					7,5				
26	Trần Hà Kiệt	4,0					6,0				
27	Hồ Đức Lễ	0,0					0,0				
28	Nguyễn Văn Lễ	0,0					0,0				
29	Nguyễn Báu Gia Long	6,0					5,0				
30											

THEO DÕI NGÀY HỌC TẬP

	NGÀY																				Tổng số
	10/09	17/09	24/09	01/10	22/10	29/10															
01		2P																			2P
02					SK																SK
03					SK																SK
04		SK	SK	SK	SK	SK															2SK
05	SK	SK	SK	SK	SK	SK															30K
06	SK		SK	SK	SK	SK															2SK
07			SK	SK	SK	SK															20K
08																					
09																					
10																					
11																					
12																					
13	SK		SK	SK	SK	SK															2SK
14																					
15																					
16																					
17																					
18			SP		SK	SK															10K SP
19																					
20																					
21																					
22			SK	SP																	SK SP
23																					
24																					
25																					
26																					
27	SK	SK	SK	SK	SK	SK															30K
28		SK	SK	SK	SK	SK															2SK
29																					
30																					

KẾT QUẢ HỌC TẬP

LỚP: KT - 0103 (N2) HỌC KỲ: 1 Năm học: 2024 - 2025

MÔN HỌC: Thức ăn cho gia súc Số tín chỉ: 01

TT	Họ và tên	Điểm							
		Kiểm tra thường xuyên				Kiểm tra định kỳ			
01	Nguyễn Hồ Đức Nhân	6,5				6,5			
02	Vũ Trọng Nhân	5,5				6,0			
03	Trần Xuân Minh Nhật	6,0				6,0			
04	Châu Nguyễn Gia Phát	4,0				6,0			
05	Huỳnh Tấn Phát	5,0				5,0			
06	Nguyễn Thành Phát	5,0				5,0			
07	Phạm Tấn Phát	5,0				5,0			
08	Bà Nguyễn Thị Phi	7,5				7,5			
09	Nguyễn Đức Phúc	5,0				6,0			
10	Trần Minh Phước	6,5				5,5			
11	Trần Nam Phước	7,0				5,5			
12	Cần Thanh Quốc	6,5				0,0			
13	Cao Trần Minh Quốc	6,5				6,0			
14	Nguyễn Võ Thanh Sang	6,5				6,5			
15	Phạm Vũ Thái Sơn	6,0				0,0			
16	Lưu Phước Tân	6,5				4,5			
17	Trần Nhật Tân	5,0				5,0			
18	Lê Minh An Thái	5,5				6,5			
19	Vũ Minh Thanh	5,0				6,0			
20	Lai Văn Tân	6,5				0,0			
21	Phạm Trọng Tín	6,0				6,5			
22	Đặng Nguyễn Hồng Rì	0,0				0,0			
23	Huỳnh An Tú	5,0				6,5			
24	Lê Gia Tuấn	7,0				6,0			
25	Trần Hoàng Vũ	6,5				8,0			
26	Vũ Huỳnh Khanh Vinh	5,0				5,0			
27	Phạm Văn Zakifaly	6,0				4,5			
28									
29									
30									

THEO DÕI NGÀY HỌC TẬP

	NGÀY																				Tổng số
	10/09	17/09	24/09	01/10	08/10	15/10	22/10	29/10													
01																					
02	SK																				SK
03																					
04																					
05																					
06	SK																				SK
07	SK																				SK
08	SK																				SK
09																					
10	SK																				SK
11	SK																				SK
12	SK	SK	SK	SK	SK	SK	SK														30K
13																					
14																					
15	SK			SK	SK	SK															20K
16	SK																				SK
17						SK															
18					SK																SK
19	SK																				SK
20	SK																				SK
21																					
22	SK	SK	SK	SK	SK	SK	SK														30K
23																					
24	SK																				SK
25	SK																				SK
26																					
27																					
28																					
29																					
30																					

KẾT QUẢ HỌC TẬP

LỚP: 2K2 - CTM1.....HỌC KỲ: 1.....Năm học: 2024.. - 2025....

MÔN HỌC: Ứng dụng CAD trong TKCKB. Số tín chỉ: 02.....

TT	Họ và tên	Điểm									
		Kiểm tra thường xuyên					Kiểm tra định kỳ				
01	Nguyễn Việt Anh	8,0					5,0				
02	Đào Văn Bảo	9,0					8,0				
03	Nguyễn Xuân Cường	6,0					4,5				
04	Trần Nguyễn Khắc Đan	9,5					8,0				
05	Đoàn Văn Thảo	5,0					1,0				
06	Nguyễn Minh Thiện	6,0					4,5				
07	Trần Gia Hưng	7,5					4,0				
08	Trần Minh Huy	7,0					4,5				
09	Lâm Vũ Khang	5,0					5,0				
10	Lê Bảo Khang	6,5					4,5				
11	Trần Xuân Khang	8,5					8,0				
12	Nguyễn Trần Khánh	9,5					6,0				
13	Nguyễn Trần Đăng Khôi	6,0					6,0				
14	Trần Tuấn Kiệt	7,5					3,0				
15	Lê Nhật Long	8,5					5,0				
16	Nhài Thiên Nghĩa	9,5					7,5				
17	Nguyễn Quang Nguyễn	6,0					4,5				
18	Trần Chí Nhân	8,5					5,5				
19	Nguyễn Đức Phát	9,5					6,0				
20	Nguyễn Xuân Phú	8,5					7,0				
21	Lê Hoàng Minh Phương	10,0					4,0				
22	Nguyễn Xuân Quang	0,0					2,0				
23	Nguyễn Vũ Bảo Châu	9,5					6,0				
24	Trần Tuấn Quý	10,0					6,5				
25	Nguyễn Hà Tây	9,0					5,0				
26	Nguyễn Quang Tường	7,0					0,0				
27	Phạm Trung Thiện	9,5					10,0				
28	Nguyễn Vũ Bảo Trân	9,5					5,0				
29	Đỗ Công Trào	8,0					7,5				
30	Trần Xuân Hoàng	6,0					4,5				

THEO DÕI NGÀY HỌC TẬP

	NGÀY																												Tổng số
	20 09	27 09	02 10	11 10	16 10	18 10	25 10	30 10																					
01					4K																								4K
02																													
03			4K																										4K
04																													
05																													
06																													
07		4K																											4K
08																													
09																													
10								4K																					4K
11																													
12					2P																								2P
13																													
14																													
15																													
16																													
17																													
18																													
19		4K																											4K
20																													
21																													
22					4K 4P																								4K 4P
23																													
24																													
25			4K																										4K
26																													
27																													
28																													
29																													
30		4K																											4K

KẾT QUẢ HỌC TẬP

LỚP: 201 - CN02 HỌC KỲ: 1 Năm học: 2024... - 2025...

MÔN HỌC: G. lý thuyết Số tín chỉ: 02

TT	Họ và tên	Điểm									
		Kiểm tra thường xuyên					Kiểm tra định kỳ				
01	Nguyễn Duy Bằng	5					5,6				
02	Nguyễn Thanh Bình	4					4,3				
03	Lưu Hải Bằng	5					5,5				
04	Nguyễn Minh Tuấn Đạt	6					6,6				
05	Nguyễn Ngọc Tài Đạt	7					7,3				
06	Mai Thanh Đan	6					6,3				
07	Kiều Quốc Duy	7					7,8				
08	Nguyễn Đăng Khánh Duy	8					8,6				
09	Phan Hữu Hà	5					5,3				
10	Huỳnh Kiên Hào	4					4,6				
11	Phan Đình Hoàn	5					5,2				
12	Nguyễn Trọng Hiếu	4					4,6				
13	Trần Huỳnh Chí Hùng	5					5				
14	Huỳnh Gia Huy	7					7,9				
15	Lê Quang Huy	5					5,2				
16	Nguyễn Đình Phúc Huy	4					4,9				
17	Phạm Di Anis Huy	2					2,8				
18	Võ Tấn Khải	3					3,5				
19	Võ Hoàng Chí Khang	6					6,5				
20	Nguyễn Hữu Khôi	7					7				
21	Hoàng Lê Kiệt	5					5,9				
22	Nguyễn Hoàng Long	6					6				
23	Phan Thanh Nhân	5					5				
24	Nguyễn Thanh Phong	9					9,3				
25	Phan Thanh Phong	8					8,2				
26	Lê Hữu Phúc	6					7,2				
27	Nguyễn Thanh Phước	4					4,9				
28	Hoàng Anh Quân	7					7				
29	Võ Hữu Quốc	00					00				
30	Lê Hoàng Sang	5					5,6				

THEO DÕI NGÀY HỌC TẬP

	NGÀY																								Tổng số
	05/09	12/09	19/09	26/09	03/10	10/10	17/10	24/10	31/10	07/11	14/11	21/11	28/11	05/12	12/12	19/12	26/12	02/01	09/01	16/01	23/01	30/01	06/02	13/02	
01																									
02			2K					2K																	4K
03													2K												2K
04																									
05	2K		2K																						4K
06																									
07												2P													2P
08			2K							2K															4K
09																									
10		2K											2K												4K
11	2K																								
12										2K		2K													4K
13																									
14		2K										2K													4K
15	2K																								2K
16																									
17											2K	2K	2K												6K
18																									
19										2K															2K
20	2K	2K									2K														6K
21																									
22																									
23																									
24																									
25																									
26																									
27	2K	2P								2K	2K														2P 6K
28																									
29		2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	2K	24K
30																									

KẾT QUẢ HỌC TẬP

LỚP: 20C1 - Công (H) HỌC KỲ: 1 Năm học: 2024 - 2025

MÔN HỌC: Caly. thuyết Số tín chỉ: 02

TT	Họ và tên	Điểm									
		Kiểm tra thường xuyên					Kiểm tra định kỳ				
01	Nguyễn Tân Tài	4					4,6				
02	Nguyễn Phúc Tân	7					7,9				
03	Nguyễn Hải Tân	00					00				
04	Nguyễn Văn Thanh Tân	3					2,7				
05	Đỗ Văn Tân	6					6,6				
06	Huỳnh Thiên Tân	00					00				
07	Trần Phi Thảo	6					6,5				
08	Nguyễn Hưng Thảo	8					8,6				
09	Trần Hữu Đức Thảo	6					6,5				
10	Bùi Minh Thảo	3					1,9				
11	Phan Công Thảo	4					4,8				
12	Võ Minh Thảo	00					00				
13	Giáp Minh Thảo	6					6,6				
14	Nguyễn Hữu Thảo	00					00				
15	Đào Văn Thảo	7					7,9				
16	Đặng Nga Thảo	5					6,2				
17	Lê Văn Thảo	6					6,6				
18	Phùng Ninh Thảo	5					5				
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											
26											
27											
28											
29											
30											

THEO DÕI NGÀY HỌC TẬP

	NGÀY																Tổng số																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
	05 09	12 09	19 09	26 09	03 10	10 10	17 10	24 10	31 10	07 11	14 11	21 11	28 11	05 12	11 12	12 12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
01										2K																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								

KẾT QUẢ HỌC TẬP

LỚP: 2301-CN07 HỌC KỲ: 1 Năm học: 2024 - 2025

MÔN HỌC: Cơ lý thuyết Số tín chỉ: 2

TT	Họ và tên	Điểm									
		Kiểm tra thường xuyên					Kiểm tra định kỳ				
01	Nguyễn Văn An	5,0					8,8				
02	Nguyễn Quốc Bảo	5,8					9,1				
03	Nguyễn Công Danh	5,7					7,8				
04	Nguyễn Công Danh	6,4					8,2				
05	Ngô Tiến Đạt	5,5					5,2				
06	Nguyễn Hoàng Đạt	00					00				
07	Nguyễn Hữu Duy	6,2					8,2				
08	Nguyễn Chí Hào	00					00				
09	Trần Xuân Hiền	00					00				
10	Võ Minh Hiền	6,9					8				
11	Nguyễn Thanh Hoàng	5,6					7,4				
12	Nguyễn Việt Hoàng	6,3					9,8				
13	Trần Xuân Hoàng	6					7,1				
14	Phạm Lê Mạnh Hùng	00					00				
15	Nguyễn Thái Bảo Hoàng	00					00				
16	Nguyễn Tuấn Phong	5,3					9,4				
17	Nguyễn Hoàng Khanh	10,0					9,4				
18	Nguyễn Quốc Thành	5,4					8,4				
19	Phạm Duy Lợi	6,3					8,3				
20	Nguyễn Lê Thanh Long	6,7					7,2				
21	Nguyễn Tuấn Mạnh	3,6					7,4				
22	Đoàn Trung Nam	6,3					8,7				
23	Lê Phương Nam	00					00				
24	Lê Trần Hữu Nghĩa	5,7					8,1				
25	Lê Văn Nguyễn	5,5					8,5				
26	Lâm Chí Phát	8,0					8,3				
27	Nguyễn Tấn Phong	5					7,6				
28	Đỗ Chí Ngạc Phú	7,0					9,0				
29	Võ Hoàng Phúc	6,1					7,9				
30	Nguyễn Nhật Quang	6,7					7,2				

THEO DÕI NGÀY HỌC TẬP

	NGÀY																			Tổng số
	03/09	06/09	30/09	09/10	14/10	16/10	21/10	28/10	09/11	11/11										
01																				
02																				
03																				
04																				
05																				
06		3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K										24K
07																				
08	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K										30K
09		3K		3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K										24K
10																				
11																				
12																				
13																				
14	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K										30K
15									3K											3K
16																				
17																				
18																				
19																				
20																				
21																				
22																				
23	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K										30K
24																				
25																				
26																				
27																				
28																				
29																				
30																				

KẾT QUẢ HỌC TẬP

LỚP: 28C1 - CN04(H) HỌC KỲ: 1.....Năm học: 2024.. - 2025....

MÔN HỌC: Cơ lý thuyết.....Số tín chỉ: 02.....

TT	Họ và tên	Điểm									
		Kiểm tra thường xuyên					Kiểm tra định kỳ				
01	Trương Đình Quý	5,5					8,1				
02	Trần Huỳnh Sang	5,9					7,7				
03	Nguyễn Đình Sơn	5,9					3,8				
04	Ngô Tấn Tài	6,9					8				
05	Trần Chí Tâm	4,6					2,4				
06	Trần Ngọc Thạch	5,5					8,1				
07	Nguyễn Quốc Thái	7,1					8,5				
08	Trần Tuấn Thành	8,0					8,0				
09	Lê Bảo Thịnh	5,5					9,6				
10	Phan Minh Tiến	6,4					8,7				
11	Trần Minh Trăn	3,5					7,7				
12	Lê Xuân Tú	4,7					7,6				
13	Đình Minh Tuấn	5,5					8,1				
14	Lê Quốc Việt	5,8					8,7				
15	Như Phúc Vang	4,9					4,2				
16	Nguyễn Trần Vũ	7,3					7,9				
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											
26											
27											
28											
29											
30											

THEO DÕI NGÀY HỌC TẬP

	NGÀY																				Tổng số
	03/09	16/09	30/09	03/10	14/10	16/10	21/10	28/10	04/11	11/11											
01																					
02																					
03																					
04																					
05																					
06																					
07																					
08	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	3K	1K	3K											30K
09																					
10																					
11																					
12																					
13																					
14																					
15		3K	3K																		6K
16									3P												3P
17																					
18																					
19																					
20																					
21																					
22																					
23																					
24																					
25																					
26																					
27																					
28																					
29																					
30																					

NHỮNG ĐIỀU GIẢNG VIÊN CẦN GHI CHÉP

Lớp 23C2-CRM: Ứng dụng CAD trong TKCK Cơ bản:

+ Tam ngừng 06/09/2024 → Bù ngày 02/10/2024

+ Tam ngừng 15/09/2024 → Bù ngày 16/10/2024

+ Tam ngừng 04/10/2024 → Bù ngày 08/10/2024

Lớp: 23C1-CN02: Cơ lý thuyết

+ Tam ngừng 17/10/2024

Lớp: 23C1-CN04: Cơ lý thuyết

+ Tam ngừng 07/10/2024 → Bù 09/10/2024

+ Tam ngừng 23/09/2024 → Bù 16/10/2024

NHỮNG ĐIỀU GIẢNG VIÊN CẦN GHI CHÉP